

Bản án số: 213/2026/HSST.

Ngày: 24/06/2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hương Giang.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hành.

2. Bà Đào Thị Hồng Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Từ Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Dương Sơn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 06 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 203/2026/TLST-HS ngày 03 tháng 06 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 06 năm 2026 đối với bị cáo:

BÙI VĂN T, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2003; CCCD số: 038203003396; Nơi cư trú: **Thôn G, xã C, tỉnh Thanh Hóa**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông: **Bùi Văn T1** (đã chết) và con bà **Lưu Thị H**; Tiền sự: Không; Tiền án:

- Ngày 19/05/2025 bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt ngày 22/10/2025 – chưa được xóa án tích.

Nhân thân:

- Ngày 19/11/2018, bị **Công an huyện C** – tỉnh Thanh Hóa xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi Trộm cắp tài sản.

- Ngày 18/09/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy – tỉnh Thanh Hóa xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (thời điểm phạm tội **T** chưa đủ 18 tuổi, theo quy định tại Điều 127 Luật tư pháp người chưa thành niên thì được coi là không có án tích).

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/03/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – **Công an thành phố H** - Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:**

+ Anh **Trần Văn T2** – Sinh năm: 1992. (Vắng mặt tại phiên tòa)

+ Chị **Nguyễn Thị N** – Sinh năm: 1991. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Cùng địa chỉ: **Ngách E, ngõ F, thôn N, xã Đ, Tp Hà Nội.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 17/01/2026, **T** một mình bắt xe ô tô từ nhà lên khu vực **thôn N, xã Đ, thành phố Hà Nội** để tìm việc làm. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, do không tìm được việc, **T** vào một căn nhà đang xây ở khu vực **ngõ F thôn N** nghỉ ngơi. Khi lên đến tầng 5 của căn nhà, **T** phát hiện ngôi nhà bên cạnh (tức nhà của anh **Trần Văn T2** - sinh năm 1992 và chị **Nguyễn Thị N** - sinh năm 1991) có 01 lỗ thông gió nên nảy sinh ý định đột nhập vào nhà anh **T2** trộm cắp tài sản. **T** tìm thấy 01 chiếc thang bằng nhôm tại tầng 4 của căn nhà đang xây nên lấy chiếc thang đó thả qua lỗ thông gió treo xuống ban công tầng 4 nhà anh **T2**. Sau đó, **T** vào nhà, đi qua các tầng để tìm kiếm tài sản trộm cắp nhưng không thấy, **T** đi xuống tầng 1 thì phát hiện trên vách ngăn ở cuối cầu thang có 01 chiếc túi xách (của chị **N**) **T** lục túi, lấy hết tiền bên trong cất vào túi quần. **T** còn phát hiện tại phòng khách có 01 chiếc xe mô tô Yamaha Exciter màu đen BKS: 90B2- 880.95 (vẫn cắm chìa ở ổ khóa) và 01 chiếc xe mô tô Honda Vision màu trắng, **T** tìm mở công tắc cửa cuốn, dắt chiếc xe Yamaha Exciter ra khỏi nhà rồi nổ máy tẩu thoát.

T điều khiển chiếc xe Yamaha Exciter di chuyển theo bản đồ lên đường mòn **Hồ Chí M** đi về Thanh Hóa. Trên đường đi, **T** dừng lại tháo biển kiểm soát của chiếc xe cất vào trong cốp, đồng thời **T** bỏ số tiền vừa trộm cắp ra đếm được 11.000.000 đồng. Đến khoảng 07 giờ ngày 18/01/2026, về đến địa phận **xã C, tỉnh Thanh Hóa**, **T** đem gửi chiếc xe máy Yamaha Exciter vào bãi xe của **Bệnh viện đa khoa C**. Sau đó, **T** liên hệ với bạn là **Quách Văn Đ** (sinh năm: 2007, nhà ở: **Thôn Đ, xã C, tỉnh Thanh Hóa**) đến đón về nhà tại **Thôn G, xã C, tỉnh Thanh Hóa**. Số tiền 11.000.000 đồng trộm cắp được, **T** đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 03 ngày 17/3/2026 của Hội đồng định giá tài sản - **UBND xã Đ**, kết luận: "*Xe Yamaha Exciter màu đen, dung tích 149cm³, biển số 90B2-880.95, số khung 1010KY099884, số máy G3D4E866318 đã qua sử dụng khoảng 85 tháng, đăng ký lần đầu ngày 01/2019, thời điểm định giá: 03/2026 có giá trị là: 13.504.100 đồng.*"

Anh **Trần Văn T2** sau khi phát hiện bị trộm cắp tài sản đã trình báo **Công an xã Đ**. Ngày 17/3/2026, **Bùi Văn T** ra đầu thú và giao nộp: 01 áo khoác phao màu đen có mũ; 01 chiếc quần bò màu đen trên túi sau bên phải có in họa tiết màu trắng (là bộ trang phục **T** đã mặc khi đi trộm cắp tài sản).

Tại Cơ quan điều tra, **T** đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Đối với 01 chiếc xe Yamaha Exciter màu đen đã qua sử dụng, BKS: 90B2- 880.95; số khung 1010KY099884, số máy G3D4E866318 giám định là số

nguyên thủy, qua tra cứu không nằm trong dữ liệu xe vật chứng. Quá trình điều tra xác định là tài sản của anh **Trần Văn T2**, ngày 26/3/2026 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định số A7582, trao trả cho anh **Trần Văn T2** chiếc xe cùng BKS và giấy đăng ký xe.

Đối với 01 chiếc vé gửi xe "số 208", Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho anh **Ngô Văn L** (sinh năm 1985, trú tại **xã C, tỉnh Thanh Hóa**) là bảo vệ trông giữ xe của **Bệnh viện Đ1 - Thanh Hóa**.

Về dân sự: Anh **Trần Văn T2** và chị **Nguyễn Thị N** yêu cầu bị cáo **Bùi Văn T** phải bồi thường số tiền 11.000.000 đồng mà **T** đã lấy trộm.

Tại bản cáo trạng số 116/CT-VKS-KV11 ngày 02 tháng 06 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội truy tố **Bùi Văn T** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo kết luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: **Bùi Văn T** từ 24 đến 28 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 áo khoác phao màu đen có mũ; 01 chiếc quần bò màu đen trên túi sau bên phải có in họa tiết màu trắng.

Về dân sự: Chấp nhận và buộc bị cáo **Bùi Văn T** có nghĩa vụ bồi thường cho anh **Trần Văn T2** và chị **Nguyễn Thị N** số tiền là 11.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận nội dung, tội danh cáo trạng Viện kiểm sát truy tố là đúng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tố tụng: Về các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan cảnh sát điều tra - **Công an thành phố H**, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội thu thập; về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - **Công an thành phố H**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thu thập và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định

của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thu thập, thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh:

Rạng sáng ngày 18/01/2026, **Bùi Văn T** có hành vi đột nhập vào nhà anh **Trần Văn T2** và chị **Nguyễn Thị N** tại **ngách E, ngõ F thôn N, xã Đ, thành phố Hà Nội**, trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu đen trị giá 13.504.100 đồng và số tiền 11.000.000 đồng. Chiếc xe đã được thu hồi, trao trả cho bị hại. Anh **T2** và chị **N** có yêu cầu **T** bồi thường số tiền 11.000.000 đồng.

Đối chiếu quy định của pháp luật, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Viện kiểm sát truy tố bị cáo ra xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ Pháp lý.

[3]. Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang cho nhân dân. Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự và thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Do tính chất nghiêm trọng của vụ án, để đấu tranh phòng chống tội phạm trong đó có tội xâm phạm sở hữu, góp phần bảo vệ tài sản của nhân dân, cần thiết phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã được pháp luật răn đe, giáo dục nhưng không chịu tu dưỡng mà vẫn tiếp tục phạm tội.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích, lần phạm tội này là tái phạm nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú là những tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] Về dân sự:

Anh **Trần Văn T2** và chị **Nguyễn Thị N** yêu cầu bị cáo **Bùi Văn T** phải bồi thường số tiền 11.000.000 đồng mà bị cáo đã lấy trộm. Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Số tiền 11.000.000 đồng là thiệt hại tài sản thực tế bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại nên có căn cứ chấp nhận và buộc bị cáo phải bồi thường cho anh **Trần Văn T2** và chị **Nguyễn Thị N** số tiền là 11.000.000 đồng

[7] Về vật chứng:

Đối với 01 áo khoác phao màu đen có mũ; 01 chiếc quần bò màu đen trên túi sau bên phải có in họa tiết màu trắng là trang phục bị cáo đã mặc khi đi trộm cắp tài sản nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với 01 chiếc xe Yamaha Exciter màu đen đã qua sử dụng, BKS: 90B2-880.95; số khung 1010KY099884, số máy G3D4E866318 giám định là số nguyên thủy, qua tra cứu không nằm trong dữ liệu xe vật chứng. Quá trình điều tra xác định là tài sản của anh **Trần Văn T2**, ngày 26/3/2026 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định số A7582, trao trả cho anh **Trần Văn T2** chiếc xe cùng BKS và giấy đăng ký xe. Tòa không xét.

Đối với 01 chiếc vé gửi xe "số 208", Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho anh **Ngô Văn L** (sinh năm 1985, trú tại **xã C, tỉnh Thanh Hóa**) là bảo vệ trông giữ xe của **Bệnh viện Đ1 - Thanh Hóa**. Tòa không xét.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: **Bùi Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.**

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1]. Xử phạt: Bị cáo **Bùi Văn T** 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/03/2026.

[2]. Về dân sự:

Buộc bị cáo **Bùi Văn T** phải bồi thường số tiền 11.000.000 đồng cho anh **Trần Văn T2** và chị **Nguyễn Thị N**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3]. Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo khoác phao màu đen có mũ; 01 chiếc quần bò màu đen trên túi sau bên phải có in họa tiết màu trắng.

(Hiện các vật chứng đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực vực 11 – Hà Nội theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/06/2026).

[4]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 550.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhân

- TANDTP Hà Nội;
- VKSNDTP Hà Nội;
- VKSND khu vực 11 – Hà Nội;
- QCSĐT – Công An Tp Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 11 – Hà Nội;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

Lê Hương Giang